

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18/5/2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Bền;

Ông Mai Văn Bé;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Thu Ngân – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang:** không tham gia.

Ngày 18 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 158/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 32/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị Lê Thị AL, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: ấp PQ, xã PP, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Nơi ở: ấp LA, xã TM, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

**\* Bị đơn:** Anh Bùi BN, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp PQ, xã PP, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong suốt quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Lê Thị AL trình bày: Chị và anh Bùi BN kết hôn vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PP, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh N cờ bạc, thiếu nợ. Đến giữa tháng 02/2020 thì những người chủ nợ của anh N đến nhà đòi nợ nên chị L bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân từ đó cho đến nay. Vì nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh N nên chị L yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: chị L trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại bản tự khai và biên bản hòa giải không thành, bị đơn anh Bùi BN trình bày: thống nhất phần trình bày của chị L về thời gian kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có hạnh phúc nhưng vì anh N chơi cờ bạc nhiều lần nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, và chị L về nhà mẹ ruột sinh sống từ tháng 02/2020 cho đến nay. Nhận thấy còn thương vợ nên anh mong muốn được hàn gắn với chị L và không đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản và nợ chung: anh N trình bày là không có.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị AL yêu cầu được ly hôn với anh Bùi BN. Anh N có địa chỉ tại huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định tranh chấp ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đối với anh Bùi BN, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật tố tụng dân sự;

nhưng anh N không tham gia phiên tòa; Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét, Chị L và anh N cưới nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PP, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang vào ngày 21/11/2013 nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Nguyên đơn trình bày: Quá trình chung sống sau khi cưới phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn kéo dài không giải quyết được nên chị L và anh N đã sống ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay. Tại phiên tòa, chị L khẳng định không thể hàn gắn mối quan hệ vợ chồng được, vì chị L không còn tình cảm anh N. Anh N vắng mặt, không tham gia phiên tòa, nhưng tại phiên hoà giải, anh N trình bày thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn với chị L nhưng xin được cơ hội sửa đổi và hàn gắn. Xét thấy, từ khi sống ly thân, anh chị không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cũng như không tìm được phương thức để giải quyết mâu thuẫn chung. Nay chị L vẫn cương quyết ly hôn. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung của vợ chồng thực tế không còn tồn tại, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị L được ly hôn với anh N.

[2.3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: chị L và anh N đều khai thống nhất là không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;*

*Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;*

*Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị AL.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị AL được ly hôn với anh Bùi BN.

2/ Về con chung: không có.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4/ Về án phí: Chị L chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 01984 ngày 02/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành; chị L đã nộp xong án phí.

Chị Lê Thị AL có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Đối với anh Bùi BN có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND H. Châu Thành;
- UBND xã PP,
- H. Châu Thành, tỉnh TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Minh Nguyệt**